

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch

Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam số 56/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư Ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch¹.

¹ Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch, Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam, Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (sau đây gọi chung là Sổ quốc tịch) và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

Điều 2. Đối tượng sử dụng mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch

1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài có nhu cầu xin giải quyết các việc về quốc tịch;
2. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài², Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài;
3. Sở Tư pháp các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương;
4. Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương;
5. Bộ Ngoại giao;
6. Bộ Tư pháp.

Điều 3. Ban hành 04 mẫu sổ quốc tịch³

STT	Loại mẫu	Ký hiệu
1.	Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch	TP/QT-2024-STLHSQT

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.”

² Cụm từ “Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

³ Điều này có các mẫu TP/QT-2020-STLHSQT, TP/QT-2020-SĐKXĐCQTVN, TP/QT-2020-SCGXNCQTVN, TP/QT-2020-SCGXNGVN ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 được thay thế bởi các mẫu TP/QT-2024-STLHSQT, TP/QT-2024-SĐKXĐCQTVN, TP/QT-2024-SCGXNCQTVN, TP/QT-2024-SCGXNGVN theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

2.	Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-SĐKXĐCQTVN
3.	Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-SCGXNCQTVN
4.	Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	TP/QT-2024-SCGXNGVN

Điều 4. Ban hành 16 loại mẫu giấy tờ về quốc tịch⁴

STT	Loại mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-ĐXNQT.1
2.	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)	TP/QT-2024-ĐXNQT.2
3.	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-ĐXTLQT.1
4.	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)	TP/QT-2024-ĐXTLQT.2
5.	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-ĐXTQT.1
6.	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)	TP/QT-2024-ĐXTQT.2
7.	Bản khai lý lịch	TP/QT-2024-BKLL

⁴ Điều này có các mẫu TP/QT-2020-ĐXNQT.1, TP/QT-2020-ĐXNQT.2, TP/QT-2020-ĐXTLQT.1, TP/QT-2020-ĐXTLQT.2, TP/QT-2020-ĐXTQT.1, TP/QT-2020-ĐXTQT.2, TP/QT-2020-BKLL, TP/QT-2020-TKXĐCQTVN, TP/QT-2020-TKXNCQTVN, TP/QT-2020-TKXNNGVN, TP/QT-2020-TLXĐCQTVN, TP/QT-2020-XNCQTVN, TP/QT-2020-XNNGVN, TP/QT-2020-DS ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 được thay thế bởi các mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1, TP/QT-2024-ĐXNQT.2, TP/QT-2024-ĐXTLQT.1, TP/QT-2024-ĐXTLQT.2, TP/QT-2024-ĐXTQT.1, TP/QT-2024-ĐXTQT.2, TP/QT-2024-BKLL, TP/QT-2024-TKXĐCQTVN, TP/QT-2024-TKXNCQTVN.1, TP/QT-2024-TKXNNGVN.1, TP/QT-2024-TLXĐCQTVN, TP/QT-2024-XNCQTVN, TP/QT-2024-XNNGVN, TP/QT-2024-DS theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

8.	Tờ khai đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-TKXĐCQTVN
9.	Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-TKXNCQTVN.1
10.	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam	TP/QT-2024-TKXNNGVN.1
11.	Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-TLXĐCQTVN
12.	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	TP/QT-2024-XNCQTVN
13.	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	TP/QT-2024-XNNGVN
14. ⁵	<i>(được bãi bỏ)</i>	
15.	Danh sách người được đề nghị giải quyết các việc về quốc tịch	TP/QT-2024-DS
16.	Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)	TP/QT-2024-TKXNCQTVN.2 ⁶
17.	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện)	TP/QT-2024-TKXNNGVN.2 ⁷

⁵ Mẫu TP/QT-2020-PTNHS ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

⁶ Mẫu TP/QT-2024-TKXNCQTVN.2 được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

⁷ Mẫu TP/QT-2024-TKXNNGVN.2 được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch

Điều 5. In, sử dụng mẫu sổ quốc tịch, mẫu giấy tờ về quốc tịch

1. Mẫu sổ quốc tịch, mẫu giấy tờ về quốc tịch ban hành theo Danh mục tại Điều 3 và Điều 4 của Thông tư này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại địa chỉ: www.moj.gov.vn), cơ quan có thẩm quyền thụ lý hồ sơ giải quyết các việc về quốc tịch được truy cập, tự in để sử dụng.

2. Người có yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch (sau đây gọi chung là người có yêu cầu) truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để in và sử dụng các mẫu Đơn, Bản khai lý lịch, Tờ khai. Trường hợp người có yêu cầu không thể tự in thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý hồ sơ có trách nhiệm in và phát miễn phí cho người có yêu cầu.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng Sổ quốc tịch

1. Công chức làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự làm công tác quốc tịch tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài⁸, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Công chức làm công tác quốc tịch) phải tự mình ghi vào Sổ quốc tịch. Nội dung ghi phải chính xác; chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; không sử dụng nhiều loại màu mực trong một sổ, không dùng mực đỏ.

Trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin để in Sổ quốc tịch trên máy thì phải in bằng loại mực tốt, màu đen, không bị nhòe, mất nét hoặc phai màu.

Trong trường hợp thụ lý, giải quyết các việc về quốc tịch theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận “Một cửa” là người ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch.

2. Sổ quốc tịch phải được đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối cùng ngay từ khi mở sổ. Sổ được ghi liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống. Trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin thì định kỳ hàng năm phải in và đóng thành sổ, đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối.

3. Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch (Mẫu TP/QT-2024-STLHSQT⁹) được

và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

⁸ Cụm từ “Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

⁹ Mẫu TP/QT-2020-STLHSQT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 được thay thế bởi mẫu TP/QT-2024-STLHSQT theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch

sử dụng để ghi chung các việc xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam.

Điều 7. Nguyên tắc sử dụng mẫu giấy tờ về quốc tịch

1.¹⁰ Tùy theo từng loại việc, người có yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch phải điền đầy đủ, chính xác các thông tin theo các cột, mục trong mẫu Đơn, Bản khai lý lịch, Tờ khai theo hướng dẫn cụ thể tại từng mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2.¹¹ Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

3. Người có yêu cầu phải chịu trách nhiệm về những thông tin đã ghi trong mẫu Đơn, Bản khai lý lịch, Tờ khai; trường hợp cố ý khai sai lệch thông tin thì tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thống kê số việc đã thụ lý, giải quyết trong năm; lưu trữ Sổ quốc tịch

1. Khi hết năm, người đã ghi vào sổ quốc tịch phải thống kê rõ tổng số trường hợp đã ghi vào sổ trong một năm; trường hợp sử dụng nhiều sổ trong một năm thì phải ghi tổng số quyền và số trường hợp đã ghi; ký, ghi rõ họ, tên và báo cáo người đứng đầu cơ quan ký xác nhận, đóng dấu.

2. Sổ quốc tịch phải được lưu trữ vĩnh viễn, bảo quản theo quy định pháp luật về lưu trữ.

Điều 9. Hiệu lực thi hành¹²

và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

¹² Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ quốc tịch và hồ sơ đăng ký hộ tịch tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Thông tư số 02/2020/TT-BTP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2. Các mẫu Sổ quốc tịch theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 và thay thế Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ thụ lý các việc về quốc tịch./.

BỘ TƯ PHÁP**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 4101 /VBHN-BTP

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (để đăng tải);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HTQTCT (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Mai Lương Khôi**

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2024.

2. Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”